TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H T
TỈNH T N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/DS-ST
Ngày: 22/4/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thùy Trang**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phạm Thị Ánh Nguyệt**;

2. Bà **Nguyễn Thị Bích Liễu**

Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Kiều Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh T N

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa*:** Ông **Phan Thanh Nhã** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Võ Văn P**, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 39, ấp Trường L, xã Trường Đ, thị xã HT, tỉnh TN.

Đại diện theo uỷ quyền của ông P: ông Đặng Tấn L, sinh năm 1975; địa chỉ: tổ 7, ấp BM, xã TĐ, huyện GD, tỉnh T N (Hợp đồng uỷ quyền ngày 20/12/2023, số công chứng 12815)

Bị đơn: Ông **Trần Hữu Đ**, sinh năm 1967 và bà **Nguyễn Kim N**, sinh năm 1969; Cùng địa chỉ: Số 40, đường N L B, ấp T L, xã T Đ, thị xã H T, tỉnh T N.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 20/12/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Vợ chồng ông Trần Hữu Đ và bà Nguyễn Kim N quen biết ông Võ Văn P, có vay tiền ông P nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 12/6/2023, vay 1.500.000.000 đồng, mục đích đáo hạn Ngân hàng. Hai bên thoả thuận vài ngày trả, lãi suất 4%/tháng. Ông P chưa nhận tiền gốc, đã nhận tiền lãi 02 tháng là 120.000.000 đồng, từ tháng 9/2023 đến nay chưa nhận tiền lãi. Do tính lãi 4%/tháng vượt quá quy định, nên ông P tính lại tiền lãi với lãi suất 1,66%/tháng.

- Ngày 12/9/2023, vay 400.000.000 đồng và 09/10/2023, vay 150.000.000 đồng; Mục đích làm vốn làm ăn, thoả thuận thời hạn 01 tháng, lãi suất 4%/tháng. Ông P chưa nhận tiền gốc và tiền lãi.

Toàn bộ giấy nợ do ông Đ tự viết và ký tên, việc vay tiền là để làm ăn, thu lợi tức để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên bà N phải có trách nhiệm cùng với ông Đ trả nợ cho ông P.

Ông P khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà N trả số tiền nợ gốc 2.050.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 12/12/2023 là 41.032.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/02/2024, ông P thay đổi yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, yêu cầu tiền lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc.

**** Tại bản tự khai và biên bản bản lấy lời khai ngày 01/02/2024, bị đơn ông Trần Hữu Đ trình bày:***

Ông Trần Hữu Đ là chồng của bà Nguyễn Kim N, vợ chồng đang sống chung nhà, quen biết ông Võ Văn P, vay tiền ông P nhiều lần, tổng cộng là 2.050.000.000 đồng, mục đích để vợ chồng làm vốn làm ăn, thoả thuận lãi suất 4%/tháng. Ông Đ xác nhận 03 giấy nợ do ông tự viết và ký tên. Vợ chồng đồng ý theo yêu cầu của ông P.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã H T phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP-TANDTC về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn P đối với ông Trần Hữu Đ và bà Nguyễn Kim N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc

ông Trần Hữu Đ và bà Nguyễn Kim N có trách nhiệm trả cho ông Võ Văn P số tiền nợ gốc 2.500.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Xác định nghĩa vụ chịu án phí của đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn đã Đ Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Vợ chồng ông Trần Hữu Đ và bà Nguyễn Kim N quen biết ông Võ Văn P, vay tiền ông P nhiều lần để vợ chồng làm vốn làm ăn nhưng chưa trả, tổng cộng nợ gốc là 2.050.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 4%/tháng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 2.050.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 12/12/2023 là 41.032.000 đồng. Sau đó, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ gốc là 2.050.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn ông Trần Hữu Đ thừa nhận vợ chồng ông vay tiền ông P nhiều lần để làm vốn làm ăn, thoả thuận lãi suất 4%/tháng, xác nhận giấy nợ do ông tự viết và ký tên. Vợ chồng ông đồng ý theo yêu cầu của ông P. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể như sau:

[3.1] Số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng, vay ngày 12/6/2023, tiền lãi là: 1.500.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 10 tháng 10 ngày = 257.300.000 đồng.

[3.2] Số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng, vay ngày 12/9/2023, tiền lãi là: 400.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 07 tháng 10 ngày = 48.693.000 đồng.

[3.3] Số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng, vay ngày 09/10/2023, tiền lãi là: 150.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 06 tháng 13 ngày = 16.019.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi là 322.012.000 đồng, trừ tiền lãi nguyên đơn đã nhận 120.000.000 đồng. Như vậy, tiền lãi bị đơn còn phải trả là 202.012.000 đồng.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu 77.040.000 đồng.

[5] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn P đối với ông Trần Hữu Đ và bà Nguyễn Kim N

- Buộc ông Trần Hữu Đ và bà Nguyễn Kim N có trách nhiệm trả cho ông Võ Văn P số tiền là 2.252.012.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm năm mươi hai triệu, không trăm mười hai nghìn đồng), trong đó: tiền nợ gốc là 2.050.000.000 đồng, tiền lãi là 202.012.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, nếu bên thi hành án không thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bên thi hành án còn phải trả cho bên Đ thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Hữu Đ và bà Nguyễn Kim N phải chịu 77.040.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Võ Văn P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.910.000 đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010762 ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Trường hợp bản án Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự Đ quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Đ bản án hoặc bản án Đ tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T N;
- VKSND tỉnh T N;
- VKSND thị xã H T;
- Chi cục THADS thị xã H T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án

Phan Thùy Trang